

Số: *234* /KH-UBND

Hưng Yên, ngày 16 tháng 6 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1814/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò, giai đoạn 2022-2030; số 2151/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh Đại, giai đoạn 2022-2030; số 889/QĐ-TTg ngày 25/7/2023 về phê duyệt Kế hoạch quốc gia triển khai các nhiệm vụ trọng tâm nhằm tăng cường năng lực quản lý, kiểm soát dịch bệnh động vật và bảo đảm an toàn thực phẩm có nguồn gốc động vật, giai đoạn 2023-2030; số 779/QĐ-TTg ngày 02/05/2026 về việc ban hành Kế hoạch quốc gia phòng, chống các bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng và Dịch tả lợn Châu Phi, giai đoạn 2026 - 2030;

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 ngày 03/10/2025 và Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 03/4/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hưng Yên về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 568/TTr-SNNMT ngày 12/6/2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn, giai đoạn 2026-2030 (sau đây viết tắt là Kế hoạch) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh động vật; kiểm soát có hiệu quả các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên gia súc, gia cầm; thực hành an toàn sinh học, tiêm phòng; kiểm dịch, kiểm soát giết mổ; xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh (ATDB); xây dựng hệ thống phòng, chống dịch bệnh động vật chủ động, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, phù hợp với chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020; Nghị quyết 13-NQ/TU ngày 01/4/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại, phát triển và nâng cao hiệu quả ngành nông nghiệp, thủy sản, nông thôn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030 và Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 04/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển sản xuất chăn nuôi tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030.

b) Chủ động giám sát, phát hiện sớm, cảnh báo và ứng phó kịp thời với các ổ bệnh, dịch ở động vật trên cạn ngay từ cơ sở, khi còn trong diện hẹp; trọng tâm là các bệnh: Cúm gia cầm (CGC), Lở mồm long móng (LMLM), Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP), Viêm da nổi cục (VDNC), bệnh Đại động vật và các biến chứng của vi rút gây bệnh, các tác nhân gây bệnh mới, nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực do các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm gây ra đối với sản xuất chăn nuôi.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giảm tối thiểu 50% số ổ dịch CGC so với trung bình của cả giai đoạn 2021-2025. Có trên 70% tổng đàn gia cầm thuộc diện tiêm phòng bắt buộc được tiêm phòng vắc xin CGC. Phối hợp giám sát, phát hiện chủng vi rút CGC mới xâm nhập và lưu hành. Xây dựng và duy trì ít nhất 04 cơ sở ATDB CGC theo tiêu chuẩn của Việt Nam, phù hợp với yêu cầu của thị trường trong nước.

b) Phần đầu không có gia súc phải tiêu hủy do bệnh LMLM. Có trên 70% tổng đàn gia súc thuộc diện tiêm phòng bắt buộc được tiêm phòng vắc xin LMLM. Phối hợp giám sát, xác định vi rút LMLM lưu hành. Xây dựng và duy trì ít nhất 22 cơ sở ATDB LMLM theo tiêu chuẩn Việt Nam.

c) Giảm tối thiểu 30% số ổ dịch và số lợn buộc phải tiêu hủy do bệnh DTLCP so với giai đoạn 2021-2025. Phối hợp giám sát, phát hiện chủng vi rút lưu hành, biến chứng mới của vi rút DTLCP. Có cơ sở chăn nuôi lợn ATDB đối với bệnh DTLCP, đáp ứng tiêu dùng trong nước và hướng tới xuất khẩu.

d) Giảm 50% số ổ dịch và gia súc phải tiêu hủy do bệnh VDNC so với giai đoạn 2021-2025. Có trên 70% tổng đàn trâu, bò, dê thuộc diện tiêm phòng được tiêm phòng vắc xin VDNC.

đ) Quản lý được trên 90% số hộ nuôi chó, mèo. Có trên 80% đàn chó được tiêm phòng vắc xin Đại và 100% các xã, phường quản lý, giám sát được chó, mèo mắc và nghi mắc bệnh Đại; phần đầu không có ổ bệnh Đại động vật phát sinh.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Chăn nuôi an toàn sinh học

a) Tổ chức thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học theo chuỗi giá trị, phù hợp với loài vật nuôi, quy mô chăn nuôi, phương thức chăn nuôi và điều kiện thực tế của từng địa phương; ưu tiên áp dụng tại cơ sở chăn nuôi tập trung, khu vực nguy cơ cao, có lưu lượng vận chuyển, buôn bán động vật và sản phẩm động vật lớn, cơ sở giết mổ, chợ buôn bán động vật sống và vùng đã từng xảy ra dịch bệnh.

b) Thực hiện tốt kê khai, quản lý hoạt động chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y và văn bản hướng dẫn thi hành.

c) Ưu tiên lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi theo quy định hiện hành, trong đó có các chính sách hỗ trợ thực hiện chăn nuôi theo tiêu chí an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, xử lý chất thải chăn nuôi và công trình khí sinh học, phù hợp với điều kiện, đối tượng, trình tự, thủ tục và khả năng cân đối ngân sách của địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Phòng bệnh bằng vắc xin

a) Thực hiện tiêm phòng theo đợt, tiêm phòng bổ sung và giám sát sau tiêm phù hợp với mức độ nguy cơ, mục tiêu kiểm soát dịch bệnh và khả năng bảo đảm

nguồn lực của tỉnh và xã, phường. Việc tiêm phòng được tổ chức trên cơ sở đánh giá nguy cơ, đặc điểm dịch tễ, cơ cấu đàn vật nuôi, tổng số gia súc, gia cầm trong diện tiêm phòng, mùa vụ, kết quả giám sát lưu hành vi rút, đánh giá hiệu lực vắc xin và đồng thời thực hiện với các biện pháp an toàn sinh học, giám sát, kiểm soát vận chuyển, giết mổ và xử lý ổ dịch bệnh động vật theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y.

b) Đối với bệnh DTLCP, căn cứ kết quả giám sát lưu hành vi rút, loại vắc xin được phép lưu hành, đối tượng sử dụng, hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y để lựa chọn loại vắc xin phù hợp.

c) Vắc xin phòng bệnh cho vật nuôi phải thuộc danh mục được phép lưu hành ở Việt Nam và được vận chuyển, bảo quản, sử dụng đúng kỹ thuật và hướng dẫn của nhà sản xuất vắc xin. Thực hiện cấp giấy chứng nhận tiêm phòng bệnh Đại động vật theo quy định.

3. Giám sát dịch bệnh

a) Tổ chức giám sát dịch bệnh dựa trên nguy cơ, bao gồm: Giám sát chủ động, giám sát bị động, giám sát sau tiêm phòng, giám sát tại cơ sở chăn nuôi, chợ, điểm tập kết, cơ sở giết mổ, tuyến vận chuyển, địa bàn có nguy cơ cao, địa bàn xây dựng cơ sở, vùng ATDB; thực hiện giám sát trên động vật hoang dã, sản phẩm động vật, môi trường chăn nuôi và các yếu tố nguy cơ khác (khi cần thiết).

b) Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh căn cứ tình hình dịch tễ, nguy cơ dịch bệnh, phương thức chăn nuôi và điều kiện thực tế của địa phương để xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát dịch bệnh trên địa bàn cho phù hợp. Chủ cơ sở chăn nuôi, thú y cơ sở và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm theo dõi, phát hiện, báo cáo kịp thời khi thấy có dấu hiệu nghi ngờ dịch bệnh động vật.

c) Tăng cường lực lượng và tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lực lượng thú y ở địa phương trong thực hiện giám sát, lấy mẫu, chẩn đoán, xác minh dịch bệnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ, cập nhật dữ liệu giám sát, xét nghiệm, tiêm phòng, ổ dịch và các dữ liệu liên quan phục vụ cảnh báo sớm, đánh giá nguy cơ, xác định vùng nguy cơ, lựa chọn biện pháp phòng, chống dịch phù hợp và tham mưu chỉ đạo điều hành.

d) Đối với giám sát bệnh CGC, giám sát bệnh Đại thực hiện cơ chế phối hợp giám sát, chia sẻ thông tin và cảnh báo nguy cơ giữa ngành Nông nghiệp và môi trường với ngành Y tế theo phương pháp tiếp cận “Một sức khỏe”; kịp thời xử lý các tình huống có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

4. Xử lý khi có dịch

a) Khi phát hiện ổ dịch phải tổ chức xử lý nhanh, kịp thời, triệt để theo quy định của pháp luật về thú y và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; ưu tiên phát hiện sớm, xử lý ngay từ ổ dịch đầu tiên, không để dịch bệnh lây lan diện rộng, kéo dài.

b) Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh phối hợp với UBND cấp xã và các cơ quan liên quan xác định nguyên nhân, truy xuất nguồn lây, phạm vi ổ dịch, vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp, vùng đệm và tổ chức áp dụng đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp với từng bệnh, từng địa

bàn và mức độ nguy cơ theo quy định và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Chăn nuôi và Thú y.

c) Tăng cường các biện pháp phòng bệnh tại địa bàn giáp ranh, tuyến vận chuyển, đầu mối giao thông, cơ sở chăn nuôi quy mô lớn, chuỗi sản xuất hàng hóa tập trung, khu vực có nguy cơ cao. Trường hợp ổ dịch có nguy cơ lây lan liên xã, liên tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hỗ trợ hoặc trực tiếp tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và theo phân cấp, phân quyền.

d) Việc công bố dịch, công bố hết dịch, hỗ trợ khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất sau dịch và các chính sách có liên quan được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật hiện hành.

5. Kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y

a) Thực hiện kiểm dịch, kiểm soát chặt chẽ vận chuyển nội địa, xuất khẩu, nhập khẩu đối với động vật, sản phẩm động vật theo quy định của pháp luật về thú y, an toàn thực phẩm (ATTP) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; tập trung tại các đầu mối giao thông, tuyến vận chuyển, cảng biển, điểm nóng về buôn bán, vận chuyển trái phép động vật, sản phẩm động vật để kiểm soát, ngăn chặn xâm nhiễm và lây lan dịch bệnh.

b) Thực hiện xây dựng mạng lưới cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung và triển khai thực hiện công tác quản lý cơ sở giết mổ theo Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 04/05/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; tăng cường kiểm tra, phát hiện, xử lý hành vi giết mổ trái phép, giết mổ không bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y; kiểm soát chặt chẽ hoạt động giết mổ, chế biến, lưu thông, phân phối sản phẩm động vật theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh

a) Thực hiện xây dựng cơ sở, vùng ATDB theo quy định của pháp luật, gắn với cơ cấu lại ngành chăn nuôi, kiểm soát dịch bệnh bền vững, ATTP, truy xuất nguồn gốc, liên kết chuỗi giá trị, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và hướng tới xuất khẩu.

b) Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hiệp hội, cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến tham gia xây dựng cơ sở, vùng ATDB theo chuỗi giá trị. Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh và chính quyền cấp xã hướng dẫn doanh nghiệp, cơ sở chăn nuôi xây dựng, duy trì và phát triển cơ sở, vùng ATDB; ưu tiên địa bàn có định hướng xuất khẩu, địa bàn trọng điểm chăn nuôi, địa bàn nguy cơ cao và địa bàn có yêu cầu kiểm soát dịch bệnh chặt chẽ.

c) Thực hiện theo dõi, đánh giá, duy trì và tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện; tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn lực thực hiện.

7. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi

a) Xây dựng nội dung truyền thông nguy cơ phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng loại hình truyền thông và từng bệnh; tập trung vào nguy cơ xâm nhiễm, nguy cơ tái phát dịch bệnh; phòng, chống bệnh truyền lây giữa động vật và người; khai báo dịch bệnh; chăn nuôi an toàn sinh học, tiêm phòng, vệ sinh, tiêu độc, khử trùng; xử lý xác động vật; không buôn bán, vận chuyển, giết mổ động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh và sản phẩm động vật không bảo đảm an toàn;

các thành tựu, giải pháp khoa học và công nghệ, kết quả nghiên cứu ứng dụng trong công tác chọn tạo giống, phác đồ điều trị, quy trình an toàn sinh học và chuyển đổi số trong quản lý dịch bệnh động vật.

b) Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng số và hệ thống thông tin cơ sở; khuyến khích xây dựng thông điệp ngắn, tài liệu trực quan, đối thoại cộng đồng và các hình thức truyền thông phù hợp với từng địa bàn, từng nhóm đối tượng.

c) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, kiến thức cho cán bộ quản lý, và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chăn nuôi, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi về giám sát, xử lý, điều tra ổ dịch, truyền thông nguy cơ và phối hợp liên ngành.

d) Cung cấp kịp thời thông tin về tình hình dịch bệnh, cung - cầu, giá cả và nguồn cung thực phẩm có nguồn gốc động vật trên thị trường, nhất là trong thời điểm xảy ra dịch bệnh, thiên tai hoặc sự cố ATTP, góp phần ổn định thị trường, tránh gây hoang mang cho người tiêu dùng và bảo đảm lợi ích hợp pháp của cơ sở sản xuất, kinh doanh hợp pháp.

8. Hợp tác trong công tác phòng, chống dịch bệnh động vật

a) Cập nhật kịp thời thông tin về tình hình dịch bệnh CGC, LMLM, DTLCP, VDNC, bệnh Đại, trong nước và trên thế giới. Tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin với các đơn vị thực hiện chẩn đoán, xét nghiệm dịch bệnh, với các cơ quan chuyên môn của các tỉnh, thành phố liên kề để kiểm soát dịch bệnh, vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm động vật; phối hợp ứng phó khi phát sinh dịch bệnh có nguy cơ lan truyền giữa các tỉnh.

b) Tranh thủ các nguồn hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, đào tạo, chuyển giao công nghệ, chuyển đổi số, kinh nghiệm quản lý, nghiên cứu, xây dựng cơ sở, chuỗi, vùng ATDB và tham gia đầy đủ, có hiệu quả các chương trình về phòng, chống dịch bệnh động vật của Trung ương khi triển khai trên địa bàn tỉnh.

9. Chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống dịch bệnh

Triển khai, tổ chức thực hiện đầy đủ các chính sách hiện hành về hỗ trợ khắc phục dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên chính sách hỗ trợ vắc xin, hóa chất phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh do tác nhân mới gây ra ở động vật. Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện các chính sách về phòng, chống dịch bệnh động vật, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành phù hợp với tình hình thực tế và nguồn ngân sách của địa phương.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm từ nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp và quy định hiện hành của pháp luật về Ngân sách nhà nước; các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Là cơ quan đầu mối tổ chức triển khai Kế hoạch; hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật; kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; xây dựng nhu cầu kinh

phí thực hiện hàng năm gửi Sở Tài chính tổng hợp, thẩm định báo cáo UBND tỉnh phê duyệt; thực hiện rà soát, tham mưu bổ sung, điều chỉnh các nội dung, nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và phân bổ nguồn lực khi nguy cơ dịch bệnh thay đổi, phù hợp với quy định và điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch giám sát hằng năm và tổ chức thực hiện giám sát chủ động, giám sát bị động, giám sát sau tiêm phòng, xét nghiệm và cảnh báo sớm; tổ chức xây dựng, giám sát, đánh giá, duy trì cơ sở, vùng ATDB; cập nhật, chia sẻ thông tin kịp thời cho các sở, ngành của tỉnh có liên quan và các địa phương.

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các địa phương thực hiện biện pháp kỹ thuật, tiêm phòng, xây dựng cơ sở, vùng ATDB, kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vệ sinh thú y; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch.

d) Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế trong tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống các bệnh truyền lây giữa động vật và người.

đ) Tổ chức theo dõi, cập nhật, chuẩn hóa và báo cáo số liệu định kỳ, đột xuất theo bộ chỉ số giám sát, đánh giá do Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn.

2. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường và căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; tham gia rà soát sửa đổi, bổ sung chính sách về phòng, chống dịch bệnh động vật đảm bảo kịp thời đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh; cung cấp, chia sẻ thông tin, số liệu thuộc phạm vi quản lý phục vụ xây dựng chỉ tiêu, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Y tế

Phối hợp trong công tác giám sát bệnh CGC và bệnh Đại trên người; phát hiện, chia sẻ thông tin dịch tễ, truyền thông, cảnh báo nguy cơ lây truyền từ động vật sang người và tổ chức ứng phó theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Y tế với bệnh CGC, bệnh Đại; phối hợp trong việc kiểm tra, giám sát đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng liên quan đến dịch bệnh động vật.

4. Sở Nội vụ

Căn cứ quy định của Luật số 146/2025/QH15 và các quy định có liên quan, chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền, hướng dẫn các địa phương thực hiện bố trí lực lượng thú y cấp xã để thực hiện quản lý hoạt động chăn nuôi và thú y trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

5. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Chỉ đạo lực lượng trong ngành phối hợp với ngành nông nghiệp và môi trường và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đấu tranh, ngăn chặn, xử lý các trường hợp buôn bán, vận chuyển, giết mổ động vật, sản phẩm động vật trái phép, có nguy cơ làm lây lan dịch bệnh; kịp thời phát hiện và ngăn chặn, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; hỗ trợ các địa phương thực hiện việc tiêu hủy khi có số lượng lớn gia súc, gia cầm buộc phải tiêu hủy để ngăn chặn dịch bệnh lây lan.

6. Sở Công Thương

Chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường và các đơn vị có liên quan phối hợp với lực lượng thú y, công an, hải quan, địa phương và các cơ quan có liên quan đấu tranh, xử lý các trường hợp buôn bán, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật không rõ nguồn gốc xuất xứ trên thị trường nhằm ngăn chặn dịch bệnh động vật, nhất là những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; tăng cường giám sát, xử lý việc mua bán động vật, sản phẩm động vật không qua kiểm dịch theo quy định trên các nền tảng trực tuyến.

Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Môi trường và Sở Tài chính đánh giá, dự báo tác động của dịch bệnh tới cung - cầu, giá cả, an ninh lương thực và thị trường hàng hóa trong tỉnh; có phương án phối hợp liên ngành để điều tiết thị trường khi xảy ra thiếu hụt nguồn cung do dịch bệnh; xây dựng kịch bản bình ổn giá và bảo đảm lưu thông hàng hóa thiết yếu khi dịch bệnh bùng phát.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan căn cứ nhu cầu thực tiễn của tỉnh để định hướng, xét duyệt, triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tập trung vào các giải pháp kỹ thuật, quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ sinh học và công nghệ số phục vụ công tác giám sát, chẩn đoán, xét nghiệm và xử lý dịch bệnh động vật trên địa bàn.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh tăng cường tuyên truyền, vận động các đoàn viên, hội viên, cộng đồng dân cư phối hợp với cơ quan chuyên môn và các địa phương tích cực tham gia thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn trong gia đình và cộng đồng.

9. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Căn cứ nội dung Kế hoạch này, UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ phù hợp với tình hình, thực tiễn của mỗi địa phương; chịu trách nhiệm về tính kịp thời, trung thực của thông tin, số liệu; chủ động huy động lực lượng tại chỗ để xử lý ban đầu khi phát sinh nguy cơ dịch bệnh, ổ dịch bệnh; thực hiện công tác báo cáo kết quả thực hiện định kỳ và đột xuất theo quy định.

b) Tổ chức thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi; xây dựng vùng chăn nuôi tập trung, trọng điểm, cơ cấu lại chăn nuôi; xây dựng cơ sở, vùng chăn nuôi ATDB, chăn nuôi VietGAHP, đảm bảo ATTP và bảo vệ môi trường; tiếp nhận khai báo, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, phát hiện sớm, báo cáo kịp thời ổ dịch, dấu hiệu nghi ngờ mắc bệnh và các tình huống có nguy cơ lây lan dịch bệnh trên địa bàn.

c) Tổ chức thực hiện tốt các đợt tiêm phòng vắc xin, tháng tổng vệ sinh, tiêu độc, khử trùng môi trường; tổ chức lực lượng tại chỗ, khoanh vùng, quản lý địa bàn, áp dụng biện pháp xử lý ban đầu và phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh triển khai các biện pháp phòng, chống dịch theo quy định.

d) Tuyên truyền, vận động tổ chức, cá nhân trên địa bàn chấp hành pháp luật về chăn nuôi, thú y, an toàn sinh học, tiêm phòng, khai báo dịch bệnh, xử lý xác động vật và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh khác.

đ) Căn cứ tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách của địa phương, bố trí kinh phí và lập dự toán kinh phí hàng năm trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

e) Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; phát hiện, lập hồ sơ, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y theo quy định của pháp luật; xử lý hoặc kiến nghị xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh động vật theo quy định.

10. Các tổ chức, cá nhân chăn nuôi, vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi

a) Chấp hành quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y, an toàn sinh học, tiêm phòng, khai báo dịch bệnh, xử lý xác động vật, buôn bán, vận chuyển, giết mổ và tiêu thụ sản phẩm động vật; chấp hành hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y; chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh thuộc trách nhiệm của mình.

b) Phối hợp với địa phương, cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y trong xây dựng, duy trì cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh, giám sát dịch bệnh, cung cấp thông tin, lấy mẫu xét nghiệm, điều tra ổ dịch, truy xuất nguồn gốc và xử lý tình huống dịch bệnh.

c) Kịp thời thông báo cho chính quyền cơ sở, cơ quan chức năng khi phát hiện động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh, có dấu hiệu dịch bệnh, hành vi buôn bán, vận chuyển, giết mổ trái phép, vứt xác động vật ra môi trường hoặc các hành vi vi phạm khác có liên quan.

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc che giấu dịch bệnh, không khai báo, cung cấp thông tin không trung thực hoặc thực hiện các hành vi làm lây lan dịch bệnh theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị báo cáo kịp thời (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo./. 

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ngành: Nông nghiệp và MT; Tài chính; Y tế; Công Thương; KHCN; VH TT & DL; Công an tỉnh; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^(T. Tuấn). 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lai Văn Hoàn